

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 5 - 2020

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phước.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoàng.

Bà Phạm Hồng Ân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Kệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C.

- Bị đơn: Bà Cao Thị Trúc P, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn C, huyện P, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2020, ông Trần Thanh T trình bày:

Ông và bà Cao Thị Trúc P kết hôn vào ngày 24/7/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh C. Trong quá trình chung sống thì giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra việc tranh cãi với nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng nên hiện tại ông và bà Cao Thị Trúc P không còn chung sống với nhau. Xét thấy, vợ chồng không thể tiếp tục cuộc sống chung, hạnh phúc hôn nhân không đạt được

nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Cao Thị Trúc P. Về con chung, có một người tên là Trần Nguyên H (giới tính nam), sinh ngày 10/10/2010, hiện đang do ông nuôi dưỡng, nay ông yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu bà Cao Thị Trúc P cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 09/3/2020 và tại phiên tòa, bị đơn là bà Cao Thị Trúc P cho rằng:

Quá trình chung sống giữa bà và ông Trần Thanh T có xảy ra mâu thuẫn nhưng không quá lớn, chỉ có thể khắc phục, sửa chữa để tiếp tục cùng ông Trần Thanh T xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay bà còn tình cảm dành cho ông Trần Thanh T nên bà không đồng ý ly hôn. Về con chung, có một người đúng như ông Trần Thanh T đã khai. Nhưng con chung bà yêu cầu được nuôi và yêu cầu ông Trần Thanh T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Tài sản chung, bà cho rằng vợ chồng có 01 lượng vàng 24K do ông Trần Thanh T đang quản lý, số tiền 50.000.000 đồng cho ông Trần Minh Đ mượn và 01 phần đất nuôi trồng thủy sản tại ấp C, xã N, huyện P, tỉnh C là phần đất của cha mẹ chồng cho vợ chồng bà. Bà yêu cầu ông Trần Thanh T cho toàn bộ số tài sản trên lại cho con là Trần Nguyên H. Nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho ông Trần Thanh T ly hôn với bà Cao Thị Trúc P. Giao một người con chung tên là Trần Nguyên H (giới tính nam), sinh ngày 10/10/2010 cho ông Trần Thanh T chịu trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng, bà Cao Thị Trúc P không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung đề nghị tách ra xử lý sau do bà P không cung cấp được tài liệu, chứng cứ có liên quan đến tài sản, khi nào có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ án khác. Về nợ chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Việc ông Trần Thanh T yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bà Cao Thị Trúc P là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về hôn nhân:* Ông Trần Thanh T và bà Cao Thị Trúc P kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện P, tỉnh C, nên hôn nhân giữa ông Trần Thanh T và bà Cao Thị Trúc P được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Xét về mâu thuẫn thì ông Trần Thanh T cho rằng giữa vợ chồng do bất đồng quan điểm nên thường xuyên tranh cãi với nhau, cuộc sống chung không

tìm được hạnh phúc và mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng nên ông yêu cầu ly hôn với bà Cao Thị Trúc P. Còn bà Cao Thị Trúc P thì cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không trầm trọng như ông Trần Thanh T đã khai và vợ chồng vẫn còn tình cảm dành cho nhau nên bà không đồng ý ly hôn.

Từ đó cho thấy, giữa ông Trần Thanh T và bà Cao Thị Trúc P đều thừa nhận là giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, tuy mức độ trầm trọng thì giữa vợ chồng có ý kiến không thống nhất với nhau. Đối với bà Cao Thị Trúc P thì cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không quá lớn, bà có thể khắc phục, sửa chữa để tiếp tục cùng ông Trần Thanh T xây dựng hạnh phúc gia đình. Nhưng qua quá trình giải quyết vụ án đã chứng minh bà Cao Thị Trúc P không hề có thiện chí để hòa giải mâu thuẫn đã xảy ra giữa vợ chồng, không có thiện chí khắc phục tình trạng bất đồng để tiếp tục cùng nhau xây dựng gia đình. Hiện tại ông Trần Thanh T và bà Cao Thị Trúc P đã không còn sống chung và ông Trần Thanh T vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của ông Trần Thanh T và bà Cao Thị Trúc P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận cho ông Trần Thanh T ly hôn với bà Cao Thị Trúc P là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung*: Có một người tên là Trần Nguyên H (giới tính nam), sinh ngày 10/10/2010. Ông Trần Thanh T và bà Cao Thị Trúc P đều có yêu cầu được nuôi. Quá trình giải quyết vụ án, con chung do bà Cao Thị Trúc P nuôi dưỡng nhưng sau đó bà Cao Thị Trúc P đã giao con chung lại cho ông Trần Thanh T nuôi. Hiện tại, con chung là Trần Nguyên H cũng có nguyện vọng được sống với ông Trần Thanh T. Nhằm ổn định cuộc sống và đảm bảo sự phát triển bình thường của con chưa thành niên, nên giao cho ông Trần Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của con chưa thành niên và đúng với quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đồng thời, ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Thanh T về việc không yêu cầu bà Cao Thị Trúc P phải cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ.

[4]. *Về tài sản chung*: Ông Trần Thanh T xác định tài sản chung không có. Tại bản tự khai ngày 09/3/2020, bà Cao Thị Trúc P xác định là vợ chồng có tài sản chung nhưng bà yêu cầu cho hết cho con chung là Trần Nguyên H, nhưng bà Cao Thị Trúc P không yêu cầu rõ ràng, không cung cấp cụ thể sự việc, địa chỉ và những vấn đề khác đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ có liên quan trong khi ông Trần Thanh T không thừa nhận những vấn đề mà bà Cao Thị Trúc P đã đặt ra. Nhằm để xem xét cụ thể những vấn đề về tài sản theo yêu cầu của bà Cao Thị Trúc P, Tòa án đã thông báo cho bà Cao Thị Trúc P để khai báo, cung cấp, yêu cầu cụ thể những vấn đề có liên quan cho Tòa án theo Thông báo số 35/TB-TA ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, nhưng bà Cao Thị Trúc P không có ý kiến, không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án và cũng không đưa ra yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật, từ chối việc cung cấp ý kiến để cho Tòa án giải quyết vụ án và vắng mặt suốt quá trình tố tụng. Do bà Cao Thị Trúc P

không cung cấp chứng cứ, không có yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án theo đúng quy định tại Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bà Phương xác định không tranh chấp về tài sản chung của vợ chồng không đặt ra xem xét mà giao cho các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện thành vụ án khác theo thủ tục chung.

[5]. Ông Trần Thanh T và bà Cao Thị Trúc P xác định nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

[6]. Từ nhận định trên, xét thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Thanh T phải chịu, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trần Thanh T ly hôn với bà Cao Thị Trúc P.

2. Về con chung: Giao cho ông Trần Thanh T chịu trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng một người con chung tên là Trần Nguyên H (giới tính nam), sinh ngày 10/10/2010. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Thanh T không yêu cầu bà Cao Thị Trúc P cấp dưỡng nuôi con.

Bà Cao Thị Trúc P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Trần Thanh T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Trần Thanh T đã nộp tiền tạm ứng theo biên lai thu số 0019899, ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, nay được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND thị trấn C, huyện P, tỉnh C.
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Phước